

**QUY ĐỊNH**

**Về khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư tại tỉnh Đắk Nông để phát triển kinh tế - xã hội, làm giàu chính đáng và đảm bảo môi trường bền vững (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư).

**Điều 2. Những nguyên tắc chung**

1. Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ở mức cao nhất và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước địa phương ở mức thấp nhất theo các quy định của Trung ương; đồng thời, nhà đầu tư được hưởng một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

2. Hỗ trợ miễn phí nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư kể từ khi bắt đầu cho đến khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động (Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện hỗ trợ).

3. Giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư với thời gian sớm nhất theo các quy định chung của Nhà nước; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

4. Khuyến khích các nhà đầu tư thành lập pháp nhân riêng (các loại hình doanh nghiệp và chi nhánh) tại tỉnh Đắk Nông và hạch toán độc lập khi thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

5. Dự án đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường bền vững.

**Chương II**

**KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO TỈNH ĐẮK NÔNG**

**Điều 3. Các lĩnh vực khuyến khích, hỗ trợ đầu tư**

1. Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật:

- a) Đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp;
- b) Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu dân cư có quy mô từ 05 ha trở lên.

2. Lĩnh vực công nghiệp:

- a) Dự án đầu tư phát triển nguồn năng lượng mới;
- b) Các dự án đầu tư sản xuất sử dụng nguyên liệu đầu vào là bột xít, nhôm (có tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng);
- c) Nhà máy chế biến nông sản (có tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng);
- d) Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi (có tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng).

### 3. Lĩnh vực dịch vụ:

- a) Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, siêu thị theo tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại; trung tâm tổ chức hội chợ, triển lãm;
- b) Đầu tư xây dựng khu, điểm du lịch, khu nghỉ dưỡng (resort) có diện tích từ 10ha trở lên; khách sạn có tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên.

### 4. Lĩnh vực dự án công nghệ cao:

- a) Các dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận (theo quy định của Luật Công nghệ cao năm 2008; Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao);
- b) Đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập (theo quy định của Luật Công nghệ cao năm 2008).

### 5. Lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa:

- a) Dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực: Giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và giám định tư pháp;
- b) Dự án đầu tư xây dựng bến xe khách.

## **Điều 4. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật**

### 1. Đối với các dự án đầu tư ngoài các khu, cụm công nghiệp:

Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung):

- a) Hỗ trợ 30% kinh phí theo dự toán được duyệt đối với các hạng mục đầu tư hạ tầng kỹ thuật gắn với hoạt động dân sinh, mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 20% kinh phí theo dự toán được duyệt đối với các hạng mục đầu tư hạ tầng kỹ thuật không gắn với hoạt động dân sinh, mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án;

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp:

a) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết: Mức hỗ trợ 100% kinh phí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung): Hỗ trợ 30% dự toán được phê duyệt (mức hỗ trợ tối đa 05 tỷ đồng/khu công nghiệp, 02 tỷ đồng/cụm công nghiệp).

3. Đối với các dự án thuê mặt bằng trong khu, cụm công nghiệp:

a) Miễn tiền thuê mặt bằng (gồm tiền thuê đất và thuê hạ tầng) cho đến khi hoàn thành dự án, có sản phẩm bán ra thị trường;

b) Giảm 50% tiền thuê mặt bằng (gồm tiền thuê đất và thuê hạ tầng) trong 02 năm tiếp theo, kể từ khi có sản phẩm bán ra thị trường;

c) Ngân sách tỉnh cấp bù cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp (nếu có các nhà đầu tư thuê mặt bằng trong khu, cụm công nghiệp được miễn, giảm tiền thuê đất theo Quy định này).

**Điều 5. Hỗ trợ dự án công nghệ cao (đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 4, Điều 3 của Quy định này)**

1. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung): Hỗ trợ 30% dự toán được phê duyệt, mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án;

2. Hỗ trợ về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

a) Thuê chuyên gia: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng thuê chuyên gia (mỗi hợp đồng cho 01 chuyên gia) có thời hạn từ 06 tháng trở lên cho các nhiệm vụ cần thiết của dự án công nghệ cao, mức hỗ trợ tối đa là 03 hợp đồng/dự án, 150 triệu đồng/hợp đồng/năm, thời gian hỗ trợ tối đa là 02 năm/dự án;

b) Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ đối với người lao động (cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật) trong các dự án công nghệ cao, gửi đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghề trong và ngoài nước, sau đào tạo được cấp chứng chỉ nghề, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/người, 15 người/dự án.

3. Hỗ trợ về công nghệ và thiết bị:

Hỗ trợ chuyên gia công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị, sản xuất thử nghiệm, hỗ trợ 30% dự toán được duyệt, mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

**Điều 6. Hỗ trợ tín dụng**

1. Các dự án đủ điều kiện vay vốn tại Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông thì nhà đầu tư liên hệ với Quỹ để được hướng dẫn lập hồ sơ vay vốn theo quy định.

2. Trường hợp dự án đủ điều kiện vay, nhưng nguồn vốn của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông không đáp ứng được cho khoản vay của dự án, nếu nhà đầu tư vay vốn tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, thì được hỗ trợ chênh lệch lãi suất (giữa Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông với tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại), thời gian hỗ trợ không quá 03 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, mức hỗ trợ tối đa là 01 tỷ đồng/dự án.

**Điều 7. Hỗ trợ xúc tiến thương mại (đối tượng hỗ trợ quy định tại Điều 3 của Quy định này)**

1. Tham gia Hội chợ Vùng Tây Nguyên: hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm.

2. Tham gia Hội chợ toàn quốc hoặc hội chợ quốc tế (tổ chức trong nước): hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm.

3. Tham gia Hội chợ quốc tế (tổ chức ở nước ngoài):

a) Hội chợ tổ chức tại các nước Đông Nam Á và Trung Quốc: Hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm;

b) Hội chợ tổ chức tại các nước khác: Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm.

4. Xây dựng hệ thống thương mại điện tử: Hỗ trợ đăng ký tên miền, thuê máy chủ, thuê đường truyền và chi phí thiết kế xây dựng hệ thống thông tin thương mại điện tử, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế hợp pháp nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn vị trí địa lý, thương hiệu và đăng ký tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, dịch vụ, hỗ trợ 01 lần duy nhất; mức hỗ trợ theo chi phí thực tế hợp pháp nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/01 sản phẩm.

**Điều 8. Hỗ trợ dự án lĩnh vực xã hội hoá (quy định cụ thể điểm 2, khoản 3, Điều 1 của Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường)**

1. Hỗ trợ 50% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoặc giảm 50% tiền thuê đất (thuộc trường hợp được nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng) đối với các dự án đầu tư tại các phường của thị xã, các thị trấn trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ 100% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoặc miễn 100% tiền thuê đất (thuộc trường hợp được nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng) đối với các dự án đầu tư tại các xã trên địa bàn tỉnh.

**Điều 9. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực (không áp dụng đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP)**

1. Hỗ trợ nhà đầu tư có sử dụng từ 20 lao động trở lên, tham gia khoá đào tạo dưới 03 tháng (được cấp Chứng chỉ nghề, nhà đầu tư phải cam kết sử dụng

lao động đã qua đào tạo ít nhất 03 năm), hỗ trợ 01 lần duy nhất, mức hỗ trợ 1.000.000đồng/lao động/khoá;

2. Hỗ trợ nhà đầu tư có sử dụng từ 20 lao động trở lên, tham gia khoá đào tạo trên 03 tháng (được cấp Chứng chỉ nghề, nhà đầu tư phải cam kết sử dụng lao động đã qua đào tạo ít nhất 03 năm), hỗ trợ 01 lần duy nhất, mức hỗ trợ 1.500.000đồng/lao động/khoá.

#### **Điều 10. Hỗ trợ đầu tư các hộ gia đình, cá nhân**

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư vào sản xuất nông nghiệp an toàn có sử dụng nhà lưới, nhà kính từ 01 ha trở lên để sản xuất nông nghiệp được Nhà nước hỗ trợ một lần với mức 20.000 đồng/m<sup>2</sup> nhà lưới, nhà kính, nhưng tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư vào sản xuất nông nghiệp an toàn từ 01 ha trở lên có sử dụng công nghệ tưới tiết kiệm, nhỏ giọt được Nhà nước hỗ trợ kinh phí một lần theo chi phí đầu tư thực tế, nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Kinh phí thực hiện các hỗ trợ đầu tư**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn ngân sách địa phương hàng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, để bố trí kinh phí thực hiện các hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

#### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể các nội dung quy định tại điều 2, đồng thời hướng dẫn trình tự, thủ tục, thời hạn và cơ quan giải quyết các hỗ trợ theo Quy định này.

2. Trường hợp các nhà đầu tư đang được hưởng các hỗ trợ đầu tư theo quy định của Trung ương và của tỉnh Đắk Nông trước khi Quy định này có hiệu lực, thì được tiếp tục hưởng các hỗ trợ đầu tư quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Nếu dự án thuộc đối tượng được hưởng đồng thời nhiều mức hỗ trợ theo Quy định này, thì được hỗ trợ theo mức có lợi nhất cho nhà đầu tư./

**CHỦ TỊCH**  
  
Lê Diễn

Handwritten red markings on the left margin, possibly including the number '10' and some illegible characters.

